

distance learning materials

tài liệu học từ xa

dạy từ xa gửi bài qua thư. Ngày nay, hình thức dạy học từ xa bao gồm: giáo dục trực tuyến, chương trình đào tạo đại trà trực tuyến (MOOC),...

tài liệu học từ xa là các tài liệu cho các học viên trong chương trình đào tạo từ xa, bao gồm sách điện tử, phần mềm học tập, bài tập trên mạng.

distributed learning

học phân tán

học phân tán là hình thức học tập cho phép giáo viên, người học và nội dung học được đặt ở các địa điểm khác nhau; việc giảng dạy và học tập diễn ra độc lập về không gian và thời gian. Đồng nghĩa với thuật ngữ *học từ xa (distance learning)*.

drag and drop

chức năng kéo thả

chức năng kéo thả là chức năng tương tác cho phép giữ và thả một đối tượng trên một trình duyệt cụ thể.

drilling method

phương pháp
luyện tập

phương pháp luyện tập là phương pháp trong đó giáo viên hướng dẫn, người học luyện tập theo. Điểm mấu chốt của phương pháp này là việc học được lặp đi lặp lại. xem "**phương pháp luyện tập**"

drilling
technique
dual-coding
theory

kĩ thuật luyện
tập
thuyết mã
hóa kép

thuyết mã hóa kép cho rằng thông tin hình ảnh và thông tin ngôn ngữ được xử lý khác nhau trên các kênh riêng biệt trong bộ nhớ của con người, tạo ra các biểu tượng riêng biệt ở mỗi kênh. Sự tương quan và liên hệ cơ bản tạo nên mã hóa kép thông tin.

due

thời hạn, thời
gian hiển thị

thời hạn là thời gian hiển thị bài tập trên hệ thống học trực tuyến. Thời gian này thường được giáo viên hoặc người quản lý khóa học đặt ra.

E

education
technology

công nghệ
giáo dục

công nghệ giáo dục
(xem educational
technology)

<https://edshelf.com/education-technology-dictionary/>

educational
technology
(EdTech)

công nghệ
giáo dục

công nghệ giáo dục là
việc nghiên cứu và
thực hành hỗ trợ và
cải thiện học tập bằng
cách sáng tạo, sử dụng
và quản lý các qui
trình và tài nguyên
công nghệ.

Richey, R. C., Silber, K. H., &
Ely, D. P. (2008).

edutainment

giáo dục giải
trí

giáo dục giải trí là
thuật ngữ chỉ các sản
phẩm công nghệ và
phần mềm kết hợp
giáo dục với hoạt
động giải trí. Trong
thời đại kỹ thuật số,
các sản phẩm này
hướng tới mục tiêu
biến giáo dục trở nên
hấp dẫn hơn đối với
người học trẻ tuổi.

<https://www.techopedia.com/definition/5506/edutainment>

E-learning
portal

Cổng dịch vụ
đào tạo trực
tuyến

Cổng dịch vụ đào tạo trực tuyến là điểm truy cập tập trung và duy nhất, tích hợp các kênh thông tin, dịch vụ và ứng dụng về đào tạo trực tuyến, phân phối tới người học qua một phương thức thống nhất và đơn giản trên nền tảng web.

electronic
portfolio=
eportfolio

hồ sơ điện tử

hồ sơ điện tử là tập hợp các cứ liệu điện tử được người dùng tập hợp và quản lý trên mạng, gồm văn bản, tệp điện tử, hình ảnh, đa phương tiện, blog và siêu liên kết.

electronic
version

phiên bản
điện tử

phiên bản điện tử là phiên bản của tài liệu (ngôn bản, văn bản, hình ảnh) được lưu giữ dưới dạng số hóa.

elicitation
technique

kĩ thuật khám
phá

kĩ thuật khám phá là một loạt các kĩ thuật sử dụng trong nhân chủng học, khoa học nhận thức, giáo dục, ngôn ngữ,... để thu thập dữ liệu, tập hợp kiến thức hay thông tin về đối tượng.

enquiry
approach =
enquiry-based
learning

phương pháp
truy vấn

phương pháp truy vấn là hình thức học chủ động bằng cách đặt ra các câu hỏi, các vấn đề, kịch bản để từ đó tìm hiểu kiến thức liên quan. Trong hình thức học này, giáo viên đóng vai trò định hướng, hỗ trợ, giải thích hơn là giảng dạy theo lối truyền thống.

enrol

ghi danh

ghi danh là việc đăng kí trực tiếp/ trực tuyến để có một vị trí/ vai trong hệ thống.

E-tutoring =
online tutoring

hướng dẫn
học trực
tuyến

hướng dẫn học trực tuyến chỉ hoạt động hỗ trợ học tập trên mạng một cách hiệu quả.
<http://edutechwiki.unige.ch/en/E-tutoring>

experiential
learning

học trải
nghiệm

học trải nghiệm là quá trình học thông qua đúc rút kinh nghiệm, hoặc tìm hiểu kiến thức thông qua những hoạt động đã được thực hiện.

https://en.wikipedia.org/wiki/Experiential_learning

extra-curricular
activities

hoạt động
ngoại khóa

hoạt động ngoại khóa là các hoạt động ngoài chương trình yêu cầu và được thực hiện bên ngoài khóa học thường xuyên.

F
face-to-face
course

khóa học trực
diện/ mặt đối
mặt

**khóa học trực diện/
khóa học mặt đối mặt** được thiết kế trên môi trường lớp học truyền thống, trong đó người học và người dạy cùng có mặt trên lớp. Khóa học này còn được gọi là học trên lớp.

<https://oe.uoregon.edu/types-of-online-courses-2/>

fake first grade

điểm khích lệ
ban đầu

điểm khích lệ ban đầu là cho điểm đầu tiên tối đa để tạo tâm lý tự tin, khích lệ người học, nhưng đồng thời vẫn cho họ biết điểm thực tế cũng như lỗi chi tiết để sửa.

flexible learning

học tập linh hoạt

học tập linh hoạt là nguyên tắc thực hành giáo dục chính qui, liên quan đến yêu cầu linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập, giảng dạy, đánh giá và chứng chỉ.

ANTA (2003)

flipchart

bảng lật

bảng lật là bảng để kẹp giấy, có giá đỡ, có thể lật qua, lật lại trên một mặt phẳng, dùng bút dạ viết trực tiếp lên, hoặc kẹp giấy vào để viết.

flipped class

lớp học đảo ngược

xem "**khóa học đảo ngược**"

flipped course

khóa học đảo ngược

khóa học đảo ngược có thể được khai thác ở dạng trực tuyến, trong đó người học được cung cấp bài

giảng, tài liệu nguồn mở, nội dung bài giảng... để tự nghiên cứu. Trên lớp, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, đưa ra lời khuyên, trả lời câu hỏi, làm rõ các quan niệm chưa được hiểu đúng. Khóa học này tăng cường tương tác giữa thầy và trò, thúc đẩy học tập chủ động.

<https://oe.uoregon.edu/types-of-online-courses-2/>

lưu đồ là một dạng sơ đồ thể hiện các bước công việc hoặc qui trình. Một lưu đồ có thể được định nghĩa như một thuật toán, một quá trình từng bước một đi đến giải quyết vấn đề.

<https://en.wikipedia.org/wiki/Flowchart>

tiêu chí chính thức/ chuẩn tắc là tiêu chí tuân theo qui ước hoặc chuẩn mực.

flowchart

lưu đồ

formal criteria

tiêu chí chính thức/ chuẩn tắc

formal
education

giáo dục
chính qui

giáo dục chính qui là giáo dục trên lớp với sự giảng dạy của các giáo viên đã được đào tạo nghiệp vụ sư phạm.

formal
instruction

giảng dạy
chính qui/
giảng dạy
trường qui

giảng dạy chính qui là việc dạy học được thực hiện trong bối cảnh lớp học, theo chương trình đã được thiết kế.

<http://www.technology.com/teachers/methods/informal.html>

formative
assessment

đánh giá tiến
trình/ đánh
giá phát triển

đánh giá tiến trình là đánh giá chất lượng kết quả học tập của người học trong tiến trình học tập.

forum

diễn đàn trực
tuyến

diễn đàn trực tuyến là diễn đàn để người dùng internet có thể trao đổi trực tiếp hoặc thảo luận với nhau. Phương thức thường dùng là gửi một chủ đề lên diễn đàn để mọi người góp ý, thảo luận, trao đổi xung quanh vấn đề đó.

foundation course

khóa dự bị đại học

khóa dự bị đại học là chương trình kéo dài 1 năm, có thể là A-level, BTEC Nationals hay tiếng Anh để đủ điều kiện theo học tại các trường đại học thuộc Vương quốc Anh. Các chương trình dự bị thường đảm bảo sau khi hoàn thành, sinh viên sẽ được nhận vào học đại học.

Fresher/
Freshman

sinh viên năm thứ nhất

sinh viên năm thứ nhất là sinh viên học năm thứ nhất bậc đại học.

full-text screening

màn hình toàn văn

màn hình toàn văn là màn hình trên đó trình chiếu văn bản toàn văn.

G

game-like procedure

qui trình mô phỏng trò chơi

qui trình mô phỏng trò chơi là qui trình được làm giống trò chơi nhằm mục đích truyền tải một nội dung tri thức nhất định.

gamification	game hóa/ ứng dụng cơ chế trò chơi	game hóa/ ứng dụng cơ chế trò chơi là việc áp dụng các kĩ thuật trò chơi vào hoạt động học.
gaming simulation	mô phỏng trò chơi	mô phỏng trò chơi là một trong những kĩ thuật dạy học tạo sự hứng thú trên lớp.
General Educational Development Test (GED)	bài thi phát triển giáo dục phổ thông	bài thi phát triển giáo dục phổ thông là bài thi để xác định một người đủ kĩ năng và kiến thức tương đương với học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học. Đây là bài thi được công nhận trên toàn thế giới.
gifted and talented program	chương trình tài năng	chương trình tài năng là chương trình cung cấp khóa học nâng cao cho những sinh viên được xác định là có năng khiếu học tập và có tài năng.
global navigation	điều hướng chung	điều hướng chung là giao diện dẫn đến danh mục chung. https://lib.hpu.edu.vn/bitstream/handle/123456789/20208/53_DinhKhacHa_CT1201.pdf

goal-oriented thinking	tư duy hướng đích	tư duy hướng đích là hướng tới việc đạt được kết quả tốt cho nhiệm vụ đặt ra.
grade	điểm	điểm là mức độ đánh giá của giáo viên/ hệ thống chấm điểm tự động đối với mức độ hoàn thành bài học hoặc bài thi, kiểm tra của người học.
grade level expectation	kì vọng trình độ	kì vọng trình độ là nội dung hoặc các vấn đề cơ bản mà sinh viên sẽ phải học ở một trình độ nhất định.
Grade Point Average (GPA)	điểm trung bình	điểm trung bình là điểm thành tích học tập, được tính bằng cách nhân số điểm nhận được trong khóa học với số tín chỉ, sau đó chia cho tổng số tín chỉ đã học.
grading scheme	thang điểm	thang điểm là một loạt tiêu chí đo kết quả của người học trong một khóa học.
graduate	sinh viên tốt nghiệp	sinh viên tốt nghiệp là sinh viên nhận được bằng cấp sau khi hoàn

graduate school = grad school

trường/khoa đào tạo bậc trên đại học (sau đại học)

thành và đạt được yêu cầu của chương trình hoặc khóa học tại trường.

trường/khoa đào tạo sau đại học là

trường/khoa đào tạo học viên ở bậc trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), thực hiện giảng dạy và cấp bằng tương ứng.

graduation requirements

điều kiện tốt nghiệp

điều kiện tốt nghiệp

là yêu cầu đặt ra đối với học sinh trong việc hoàn thành các khóa học và tín chỉ do trường, khu vực hoặc nhà nước qui định trước khi nhận được bằng tốt nghiệp. Chính quyền đưa ra một loạt các điều kiện tối thiểu, còn hội đồng trường có thể đặt ra một số điều kiện bổ sung.

grant

tiền tài trợ

tiền tài trợ là khoản tiền không hoàn lại cấp cho sinh viên đi học đại học. Đây cũng có thể là khoản tiền

group concept mapping

lập sơ đồ tư duy theo nhóm

hỗ trợ từ các tổ chức, chính phủ,... để thực hiện một đề tài, đề án nào đó.

lập sơ đồ tư duy theo nhóm là phương pháp hỗ trợ tổ chức ý tưởng của một nhóm về một chủ đề được quan tâm và thể hiện các ý tưởng này một cách trực quan trên sơ đồ.

https://en.wikipedia.org/wiki/Group_concept_mapping

group grade

điểm toàn nhóm

điểm toàn nhóm là điểm được dùng để đánh giá cả nhóm trong một kỳ thi nhất định.

group instructional feedback technique

kĩ thuật phản hồi theo nhóm

kĩ thuật phản hồi theo nhóm là việc tập hợp ý kiến phản hồi của một nhóm sinh viên về những gì được, chưa được trong quá trình học tập và cách giải quyết, sau đó gửi báo cáo cho giáo viên.

group test

bài kiểm tra nhóm

bài kiểm tra nhóm là bài kiểm tra cho phép các sinh viên làm bài theo nhóm, chia sẻ ý kiến trong nhóm và lấy điểm đánh giá chung của cả nhóm.

guidance counselor

tư vấn học đường

tư vấn học đường là người của trường học, có trách nhiệm tư vấn về học thuật cho sinh viên và gia đình họ, giúp giải đáp các vấn đề học tập, hỗ trợ sinh viên trong nghề nghiệp và phát triển cá nhân.

H

handbook

sổ tay, sách hướng dẫn

sách hướng dẫn là tài liệu cung cấp thông tin thực tế về một chủ đề cụ thể hoặc chỉ dẫn cách vận hành máy móc.

hand-outs

tài liệu phát trên lớp

tài liệu phát trên lớp là tài liệu in được phát (có thể miễn phí) kèm bài giảng hoặc dùng để quảng cáo.

hard
technology

công nghệ
phần cứng

công nghệ phần cứng
là cấu phần hữu hình
có thể được mua bán,
lắp đặt trong hệ thống
công nghệ hỗ trợ, gồm
mọi thứ từ bút cảm
ứng đến máy tính và
phần mềm.

<https://www.britannica.com/technology/hard-technology>

hardware

phần cứng

phần cứng là phần
hữu hình của thiết bị,
gồm các cấu phần để
tạo nên một thiết bị
hoàn chỉnh. Các thiết
bị như: chuột, bàn
phím, màn hình, ổ đĩa
cứng, ổ DVD... chính là
các thiết bị phần cứng.

hashtag

thẻ chuyển
đổi

thẻ chuyển đổi là
dạng thẻ siêu dữ liệu
được sử dụng trong
các mạng xã hội như
Instagram, thường
được bắt đầu với '#'
và các từ khóa được
viết liền nhau. Khi
người dùng bấm vào
đó hoặc tìm kiếm sẽ
đưa ra kết quả bao
gồm cập nhật trạng

higher education = post secondary education

giáo dục đại học / giáo dục hậu phổ thông

thái, các tin đăng (post), hình ảnh hoặc đường dẫn liên kết chia sẻ về một chủ đề nào đó.

<https://en.wikipedia.org/wiki/Hashtag>

giáo dục đại học/ giáo dục hậu phổ thông là giáo dục ở bậc cao đẳng và đại học để lấy bằng cao đẳng, cử nhân hoặc cao hơn.

home-grown content

nội dung tự soạn

nội dung tự soạn là nội dung mà giáo viên, cơ sở đào tạo hoặc địa phương tự biên soạn để giảng dạy bên cạnh các nội dung học tập theo sách và tài liệu do các công ty và nhà xuất bản ấn hành.

Hot Potatoes

chương trình Hot Potatoes

chương trình Hot Potatoes bao gồm 6 ứng dụng, cho phép người dùng tạo các câu hỏi đa lựa chọn, câu hỏi ngắn, tráo câu, đổ chữ, sắp xếp, điền từ trên mạng. Chương trình này miễn phí, có

hybrid course

khóa học kết
hợp

thể sử dụng cho nhiều mục đích và dự án học tập. Phiên bản mới nhất hiện nay của Hot Potatoes là 7.0.

khóa học kết hợp là khóa học trong đó phần lớn hoạt động học được chuyển thành trực tuyến, giảm thời gian trên lớp. Dạy học trực tiếp theo kiểu truyền thống có giảm nhưng không bỏ hoàn toàn.

Hybrid course còn được gọi là *blended course*.

<https://oe.uoregon.edu/types-of-online-courses-2/>

hybrid learning

học kết hợp

học kết hợp. Xem “Blended learning”

hyperlink

siêu liên kết

siêu liên kết là đường dẫn có thể dùng để đi đến một bài viết hay một mục nào đó trên website.

hypertext =
anchor text

siêu văn bản

siêu liên kết văn bản là văn bản được hiển thị trên màn hình máy tính hoặc các thiết bị

điện tử khác có tham chiếu (siêu liên kết) tới văn bản khác mà người đọc có thể truy cập ngay lập tức. Các siêu văn bản được nối với nhau bằng các siêu liên kết, được kích hoạt bằng một cú nhấp chuột, phím bấm hoặc chạm vào màn hình cảm ứng.

<https://websolutions.com.vn/hypertext-la-gi/>

I

ICT-based curriculum transformation

cải biến chương trình trên nền công nghệ thông tin và truyền thông

cải biến chương trình trên nền công nghệ thông tin và truyền thông

independent rater

người cho điểm độc lập

người cho điểm độc lập là người có phẩm chất để thực hiện việc đánh giá, cho điểm dựa vào dữ liệu của môn học để giảm thiểu thành kiến và tối

independent
study

học độc lập

đa hóa tính thống
nhất và chất lượng.

học độc lập là hoạt
động học có định
hướng dành cho học
sinh trung học hoặc
đại học do cá nhân tự
tiến hành, có thể được
giám sát một phần
hoặc không có giám
sát.

[https://en.wikipedia.org/wiki/
Independent_study](https://en.wikipedia.org/wiki/Independent_study)

infographic =
information
graphic

đồ họa thông
tin

đồ họa thông tin là
dạng thức thể hiện các
thông tin, dữ liệu hoặc
kiến thức bằng hình
ảnh trực quan, qua đó
những thông tin phức
tạp được thể hiện với
thiết kế ngắn gọn, rõ
ràng bằng kí hiệu, biểu
tượng, bản đồ, các
bản vẽ kĩ thuật.

informal
education

giáo dục phi
chính qui

giáo dục phi chính qui
là việc dạy học diễn ra
ngoài lớp học thông qua
các chương trình sau
giờ học trong các tổ
chức cộng đồng, bảo
tàng, thư viện hay ở
nhà.

informal
instruction

giảng dạy phi
chính qui

**giảng dạy phi chính
qui** là việc dạy học
được thực hiện ngoài
bối cảnh chính qui.
<http://www.technology.com/teachers/methods/informal.html>

informal
knowledge

kiến thức
ngoài chương
trình

**kiến thức ngoài
chương trình** là kiến
thức mà sinh viên học
được thông qua trải
nghiệm ngoài giờ học
trên lớp.

informal
learning

học phi chuẩn

học phi chuẩn diễn ra
khi có nhu cầu học
tập. Người học đặt
mục tiêu học tập cho
riêng mình, tiếp thu
kiến thức, kỹ năng và
thông tin theo cách
riêng.

information
technology

công nghệ
thông tin

công nghệ thông tin là
ngành học hoặc việc
sử dụng hệ thống
(máy tính và công
nghệ thông tin) để lưu
trữ, truy xuất và gửi
thông tin.

informative space	không gian thông tin	không gian thông tin là nơi lưu giữ thông tin (ví dụ như mạng internet) https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/information-space
inquiry-based learning	phương pháp học truy vấn	phương pháp học truy vấn . Xem "enquiry-based learning"
integrated curriculum	chương trình tích hợp	chương trình tích hợp là sử dụng một chủ điểm để dạy nhiều môn học.
interactive course	khóa học tương tác	khóa học tương tác là khóa học trong đó tài liệu học tập được chuyển đến cho người học dưới dạng có thể điều chỉnh nội dung, tốc độ học tập và yêu cầu đầu ra của quá trình học. https://en.wikipedia.org/wiki/Interactive_course
interactive learning	học tương tác	học tương tác là việc học diễn ra khi giáo viên hoặc phần mềm máy tính điều chỉnh việc giảng dạy đáp ứng nhu cầu người học.

interactive
multimedia

tương tác đa
phương tiện

tương tác đa phương tiện cho phép người học bổ sung dữ liệu đầu vào và nhận phản hồi trong một khóa học trực tuyến. Dữ liệu đầu vào có thể là thao tác nhấp chuột, kéo thả, cử chỉ, ra lệnh bằng giọng nói, màn hình cảm ứng, văn bản và tương tác với những người tham gia kết nối.

interactive
technique

kỹ thuật
tương tác

kỹ thuật tương tác là một kỹ thuật sư phạm khuyến khích sinh viên giao tiếp với nhau về vấn đề đặt ra. Kỹ thuật tương tác đòi hỏi phát triển năng lực đàm thoại và năng lực giải quyết vấn đề.

<https://www.theclassroom.com/interactive-learning-definition-5494900.html>

interactive
technology

công nghệ
tương tác

công nghệ tương tác cho phép trao đổi thông tin hai chiều qua giao diện giữa người dùng và máy móc, công nghệ; người dùng đưa ra dữ liệu và hoạt động còn công nghệ mang lại số liệu hoặc kết quả theo yêu cầu.

<https://www.igi-global.com/dictionary/parental-mediation-of-adolescent-technology-use/41845>

interactive
video quizzes

hỏi đố video
tương tác

hỏi đố video tương tác là cách sử dụng câu hỏi ẩn trong các video thực tế.

interactive
whiteboard
(IWB)

bảng tương
tác

bảng tương tác, còn được gọi là bảng thông minh, là máy tính có màn hình cảm ứng được sử dụng độc lập để trình diễn các hoạt động, hoặc thiết bị có kết nối sử dụng như chuột cảm ứng (touchpad) để điều khiển máy tính từ máy chiếu.

internet access
devices

thiết bị truy
cập mạng
internet

thiết bị truy cập mạng internet là các thiết bị cho phép cá nhân hay tổ chức truy cập vào mạng internet để tiếp cận các dịch vụ như thư điện tử, các trang thông tin trên mạng,...

intern

thực tập sinh

thực tập sinh chỉ những sinh viên thực tập tại nơi làm việc thuộc phạm vi chuyên ngành nhằm luyện tập kiến thức và học kỹ năng làm việc thực tế.

internship

thực tập/ thời
gian thực tập

thực tập/ thời gian thực tập là quá trình học diễn ra tại nơi làm việc, giúp sinh viên có cơ hội ứng dụng kiến thức đã học và bổ sung kỹ năng làm việc thực tế.

intranet

mạng nội bộ

mạng nội bộ là một mạng có cấu trúc thượng tầng tương tự như mạng LAN nhưng thông tin trong mạng mang tính nội bộ, nghĩa là tùy theo cấu hình của hệ thống mà nhà quản trị (Admin) cho phép hoặc chặn các thông tin gửi ra bên ngoài.

<https://vi.wikipedia.org/wiki/Intranet>

intrinsic programming = branching programming
inverted course

lập trình thực chất

lập trình thực chất
Xem "**branching programming**"

khóa học đảo ngược

khóa học đảo ngược.
Xem "**flipped class**"
<https://oe.uoregon.edu/types-of-online-courses-2/>

J

jeopardy

trò thoát hiểm

trò thoát hiểm là tên một chương trình đố vui trên truyền hình của Mỹ với các câu hỏi liên quan đến các lĩnh vực lịch sử, văn học,

junior

sinh viên năm
thứ ba

nghệ thuật, văn hóa
đại chúng, khoa học,
thể thao,... Chương
trình mang đậm tính
giáo dục và có tác
dụng truyền thụ kiến
thức.

sinh viên năm thứ ba
là sinh viên năm thứ
ba bậc đại học.

K

key theme

chủ đề chính

chủ đề chính là chủ đề
quan trọng nhất, chi
phối phần lớn nội
dung cần tiếp cận.

kinesthetic
learning

học bằng xúc
giác

học bằng xúc giác là
một trong 3 cách học cơ
bản trong mô hình
Fleming VAK/VARK,
trong đó người học sử
dụng xúc giác hoặc
thông qua các hoạt
động thể chất để tiếp
thu kiến thức chứ
không thông qua việc
nghe giảng hay nhìn
thao tác.

Leite, Walter L.; Svinicki,
Marilla & Shi, Yuying (2009)

knowledge elicitation method

phương pháp khám phá tri thức

phương pháp khám phá tri thức là phương pháp tìm kiếm thông tin cần thiết để giải quyết vấn đề. Các phương pháp này có thể là trực tiếp (tham khảo ý kiến chuyên gia), hoặc gián tiếp.

L

large scale assessment

đánh giá trên diện rộng

đánh giá trên diện rộng là loại hình đánh giá mà mục tiêu, công cụ và quá trình đánh giá được chuẩn bị công phu theo một chuẩn nhất định, thường triển khai trên một số lượng lớn học sinh.

layered cake discussion

thảo luận đa tầng

thảo luận đa tầng là thảo luận theo nhóm về cùng một nhiệm vụ, sau đó báo cáo tổng thể trước lớp.

learner autonomy

tính tự chủ của người học

tính tự chủ của người học là khả năng tự chịu trách nhiệm trong

learning and researching through debates

học tập và nghiên cứu thông qua tranh biện

việc học tập của bản thân người học.

<https://www.eapfoundation.com/studyskills/autonomy/>

học tập và nghiên cứu thông qua tranh biện

là hình thức học trong đó người học tìm hiểu kiến thức thông qua tranh luận với các nhóm có quan điểm đối lập về một vấn đề gây tranh cãi.

learning community

cộng đồng học tập

cộng đồng học tập là nhóm người có cùng thái độ học tập, cùng chung mục tiêu học tập gặp gỡ để hợp tác thực hiện bài tập được giao.

https://en.wikipedia.org/wiki/Learning_community

Learning Content Management System (LCMS)

Hệ thống quản lý nội dung học trực tuyến

Hệ thống quản lý nội dung học trực tuyến

là hệ thống tích hợp giúp người sử dụng tạo lập và quản lý nội dung bài giảng, đồng thời quản lý người học và chia sẻ nội dung học tập.

learning object repository	kho đối tượng học tập	kho đối tượng học tập là không gian chứa tài nguyên học tập kĩ thuật số.
learning object	đối tượng học tập	đối tượng học tập là một văn bản kĩ thuật số hoặc tập hợp các văn bản hướng tới mục tiêu, tiêu chuẩn hoặc khái niệm của bài học; các đối tượng này có thể sử dụng và tái sử dụng cho mục đích dạy học.
learning outcome	chuẩn đầu ra	chuẩn đầu ra là sự mô tả kiến thức và kĩ năng mà sinh viên cần đạt sau khóa học, chương trình học hoặc bài tập được giao, giúp sinh viên hiểu ý nghĩa của kiến thức và kĩ năng được học. Kết quả học tập chú trọng tới bối cảnh, khả năng ứng dụng kiến thức và kĩ năng, kết nối việc học trong nhiều hoàn cảnh, góp phần định hướng cho công tác kiểm tra đánh giá.